

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thư
2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018; về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu G, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu 01, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Kim T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 01, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2018, tại bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Kim T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 13/01/2002, sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng mẹ đẻ của anh T tại xã P. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh T thường xuyên uống rượu say, không làm chủ được bản thân, nhiều lần đánh đũa chị gây thương tích nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Hà Thu T, sinh ngày 28/11/2002 và Hà Phương L, sinh ngày 10/01/2007. Chị đề nghị tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu chị nuôi hai con thì anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Nếu không có khả năng cấp dưỡng thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hà Phương L, anh T nuôi cháu Hà Thu T.

Về tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản và công sức: Chị G trình bày vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án anh Hà Kim T trình bày: Anh thừa nhận thời điểm kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng như chị G đã trình bày là đúng. Anh thừa nhận anh có uống rượu say dẫn tới vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh cho rằng vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nên anh không nhất trí ly hôn. Anh đề nghị vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi con chung.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung như chị G đã trình bày; nếu phải ly hôn thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của hai con. Nếu chị G nuôi con thì anh không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh bị ốm, không có khả năng lao động để có thu nhập.

Về tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản và công sức: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội

đồng xét xử nghi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, 15, 16 điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Hoàng Thị Thu G được ly hôn anh Hà Kim T.

Về con chung: Giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Phương L, sinh ngày 10/01/2007. Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Thu T, sinh ngày 28/11/2002. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản và công sức: Chị G và anh T không đề nghị Tòa án xem xét nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Chị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu G về việc xin ly hôn anh Hà Kim T thấy rằng:*

Chị G và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 13/01/2002, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh T thường xuyên uống rượu say, không làm chủ được bản thân nên nhiều lần có vi bạo lực đánh chị G và là nguyên nhân chính gây mâu thuẫn gia đình.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã P thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị G, anh T nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; nhiều lần anh T có hành vi bạo lực đánh đuổi chị G nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Trong khi anh T muốn vợ chồng về đoàn tụ

nhưng không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, nên nếu cho vợ chồng về đoàn tụ cũng không thể có được hạnh phúc gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý khẳng định: Vợ chồng chị G và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị G được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

[2]. *Xét đề nghị giải quyết việc nuôi con chung giữa chị G và anh T thấy rằng:*

Chị G và anh T có hai con chung là Hà Thu T, sinh ngày 28/11/2002 và Hà Phương L, sinh ngày 10/01/2007. Trong khi hiện nay nghề nghiệp chính của chị G và anh T là lao động tự do, công việc không ổn định. Nếu giao cả hai con chung cho chị G hoặc anh T nuôi dưỡng sẽ khó khăn trong việc nuôi dạy con chung. Do đó, cần giao con chung cho cả chị G và anh T, mỗi người nuôi một con chung mới đảm bảo được quyền lợi chung của hai con. Trong đó, cháu Hà Phương L sinh ngày 10/01/2007 còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn, nên giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hà Thu T, sinh ngày 28/11/2002 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung, quyền, nghĩa vụ tài sản và công sức:* Chị G và anh T không đề nghị xem xét nên Tòa án không giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Hoàng Thị Thu G được ly hôn anh Hà Kim T.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Hoàng Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Phương L, sinh ngày 10/01/2007. Giao cho anh Hà Kim T trực

tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Thu T, sinh ngày 28/11/2002. Chị G và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị Thu G phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 008210 ngày 11 tháng 4 năm 2018; tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị G có mặt được quyền kháng cáo. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hán Hưởng